

(THAY ĐỔI): THỜI KHÓA BIỂU TỪ NGÀY 06/9/2021 ĐẾN 12/9/2021

Viết bởi: Đặng Vĩnh Hiếu

Thư bày, 04 Tháng 9 2021 16:30 - Lần cập nhật cuối: Chủ nhật, 05 Tháng 9 2021 06:16

NGÀY 07.9.2021 CÚP ĐIỂM TÀI NHIỆU VÙNG 1 HUYỆN HIỆP ĐỨC C NÊN NGHỊ HỌC ONLINE TRONG NGÀY NÀY

MỌI BẠN VÀO LOGO NÀY ĐỂ XEM THỜI KHÓA BIỂU



(HỌC XEM BẢNG NH BÊN DƯỚI)

TRƯỜNG THPT HIỆP ĐỨC; THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I; 2021-2022 (Từ 06.9.2020 đến hết ngày 11.9.2022)

T	Tết	Học buổi chiều tại nhà			T	Tết	Học buổi chiều tại trường			T	Tết	Học buổi sáng	
		10/1,2,4,5,6,8	11/1,2,4,5,6	12/1,2,4,5,6			10/7 (Phòng 7)	10/3 (Phòng 9)	11/7 (phòng 11)			12/7 (phòng 7)	12/3 (phòng 7)
1	6	Li (Thanh Tú)	1 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)	1	6	Toán (Dương)	Văn (Tám)	GDCD (Đội)	1	6	Văn (Hiền)	Văn (H)
	7	Sin (Lai)	2 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)		7	Toán (Dương)	Văn (Tám)	Văn (H)		7	Văn (Hiền)	Văn (H)
	8	Văn (Tám)	3 Toán (PV Hùng)	Văn (Hiền)		8	Văn (Hiền)	GDCD (Đội)	Văn (H)		8	Sinh (Hạnh)	Toán (J)
	9	Toán (Dương)	4 Địa (Nhưng)	Sĩ (Trung)		9	Văn (Hiền)	Toán (H Hùng)	Toán (Đức)		9	Toán (Thanh)	Toán (J)
	10	Toán (Dương)	5 Sinh (Hạnh)	Li (Hoàng)		10	Hóa (Tú)	Toán (H Hùng)	Toán (Đức)		10	Toán (Thanh)	Sinh (X)
2	6	Li (Thanh Tú)	1 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)	2	6	Hóa (Tú)	Anh (Trang)	Anh (VT Thu)	2	6	Hóa (Trang)	Văn (H)
	7	Sin (Lai)	2 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)		7	Hóa (Tú)	Anh (Trang)	Anh (VT Thu)		7	Hóa (Trang)	Văn (H)
	8	Văn (Tám)	3 Toán (PV Hùng)	Văn (Hiền)		8	Anh (Ngọc)	Hóa (Liên)	Hóa (Tú)		8	Anh (TT Thu)	Sinh (X)
	9	Toán (Dương)	4 Địa (Nhưng)	Sĩ (Trung)		9	Anh (Ngọc)	Hóa (Liên)	Hóa (Tú)		9	Anh (TT Thu)	Hóa (H)
	10	Toán (Dương)	5 Sinh (Hạnh)	Li (Hoàng)		10					10	Văn (Hiền)	Hóa (H)
3	6	Li (Thanh Tú)	1 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)	3	6	Hóa (Tú)	Anh (Trang)	Anh (VT Thu)	3	6	Hóa (Trang)	Văn (H)
	7	Sin (Lai)	2 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)		7	Hóa (Tú)	Anh (Trang)	Anh (VT Thu)		7	Hóa (Trang)	Văn (H)
	8	Văn (Tám)	3 Toán (PV Hùng)	Văn (Hiền)		8	Anh (Ngọc)	Hóa (Liên)	Hóa (Tú)		8	Anh (TT Thu)	Sinh (X)
	9	Toán (Dương)	4 Địa (Nhưng)	Sĩ (Trung)		9	Anh (Ngọc)	Hóa (Liên)	Hóa (Tú)		9	Anh (TT Thu)	Hóa (H)
	10	Toán (Dương)	5 Sinh (Hạnh)	Li (Hoàng)		10					10	Văn (Hiền)	Hóa (H)
4	6	Li (Thanh Tú)	1 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)	4	6	Li (Hoàng)	Tin (Cộng)	Li (Chánh)	4	6	Sinh (Hạnh)	GDCD (T)
	7	Sin (Lai)	2 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)		7	Li (Hoàng)	Tin (Cộng)	Li (Chánh)		7	Sinh (Hạnh)	Sĩ (Tr)
	8	Văn (Tám)	3 Toán (PV Hùng)	Văn (Hiền)		8	GDCD (Giang)	CN (Văn)	Sinh (Hạnh)		8	CN (Chánh)	Sĩ (Tr)
	9	Toán (Dương)	4 Địa (Nhưng)	Sĩ (Trung)		9	CN (Văn)	Sinh (Xuân)	Sinh (Hạnh)		9	Sĩ (Trung)	CN (Ch)
	10	Toán (Dương)	5 Sinh (Hạnh)	Li (Hoàng)		10	Sinh (Xuân)	Hóa (Liên)	Sĩ (Giang)		10	Sĩ (Trung)	Sinh (X)
5	6	Li (Thanh Tú)	1 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)	5	6	Toán (Dương)	Văn (Tám)	Tin (Sơn)	5	6	Toán (Thanh)	Anh (Hu)
	7	Sin (Lai)	2 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)		7	Toán (Dương)	Văn (Tám)	Văn (H)		7	Toán (Thanh)	Anh (Hu)
	8	Văn (Tám)	3 Toán (PV Hùng)	Văn (Hiền)		8	Văn (Hiền)	Sin (Lai)	Văn (H)		8	Văn (Hiền)	Toán (J)
	9	Toán (Dương)	4 Địa (Nhưng)	Sĩ (Trung)		9	Văn (Hiền)	Toán (H Hùng)	Toán (Đức)		9	GDCD (Lai)	Toán (J)
	10	Toán (Dương)	5 Sinh (Hạnh)	Li (Hoàng)		10	Sin (Lai)	Toán (H Hùng)	Toán (Đức)		10	Tin (Chinh)	Tin (s)
6	6	Li (Thanh Tú)	1 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)	6	6	Tin (Khánh)	Địa (Nhưng)	CN (PV Hùng)	6	6	Tin (Chinh)	Địa (Phu)
	7	Sin (Lai)	2 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)		7	Tin (Khánh)	Địa (Nhưng)	Toán (Đức)		7	Địa (Phượng)	Li (H)
	8	Văn (Tám)	3 Toán (PV Hùng)	Văn (Hiền)		8	Địa (Phượng)	Li (Thanh Tú)	Địa (Nhưng)		8	Toán (Thanh)	Li (H)
	9	Toán (Dương)	4 Địa (Nhưng)	Sĩ (Trung)		9	Địa (Phượng)	Li (Thanh Tú)	Văn (H)		9	Li (Thanh Tú)	Anh (Hu)
	10	Toán (Dương)	5 Sinh (Hạnh)	Li (Hoàng)		10					10	Li (Thanh Tú)	Toán (J)
7	6	Li (Thanh Tú)	1 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)	7	6	Li (Hoàng)	Li (Thanh Tú)	Hóa (Tú)	7	6	Li (Thanh Tú)	Tin (s)
	7	Sin (Lai)	2 Văn (Hòa)	Toán (Thanh)		7	Anh (Ngọc)	Anh (Trang)	Anh (VT Thu)		7	Anh (TT Thu)	Li (H)
	8	Văn (Tám)	3 Toán (PV Hùng)	Văn (Hiền)		8	SHCN	SHCN	SHCN		8	SHCN	SHC
	9	Toán (Dương)	4 Địa (Nhưng)	Sĩ (Trung)		9					9		
	10	Toán (Dương)	5 Sinh (Hạnh)	Li (Hoàng)		10					10		